

Tóm tắt lý lịch

Họ và Tên: HUYNH - PHAT - LIAN

Bi' danh: ☐ Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: theo công giáo
Ngày tháng năm sinh: 29-8-1941 tại: xã Thanh-bi;
huyện Thanh, tỉnh Long An.

Trú quán: 270C khu III binh thư, Thị trấn Đức Hòa
huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Giấy ra khai số: 000 678.03352 cấp ngày 21-2-1982
tại Trại cải tạo số 6 tỉnh Nghệ Tĩnh

Nghề nghiệp: làm ruộng

Trình độ văn hóa: Tiểu học, trình độ ngoại ngữ: Anh + Pháp

Quan hệ gia đình

Cha: Huỳnh - Văn - Quế, năm sinh: 1909 hiện ngụ tại
270C - Đức Hòa - Long An, Nghề nghiệp: thợ bạc

Mẹ: Võ - Thị - Bông (chết năm 1956)

Vợ: Phan - Thị - Ngọc Nữ sinh: 1947 hiện ngụ tại
270C - Đức Hòa - Long An. Nghề nghiệp: làm ruộng

Con: 1) Huỳnh - Thị - Ngọc Hằng sinh: 1968 hiện ngụ tại
270C - Đức Hòa - Long An (đã có gia đình)

2) Huỳnh - Thanh - Nhật (Nam) sinh: 1970 nghề
nông nghiệp - học sinh ở chung gia đình (nay đã nghỉ học)

3) Huỳnh - Thanh - Nhàn (Nam) sinh: 1973 nghề
nông nghiệp - học sinh ở chung gia đình

4) Huỳnh - Thị - Ngọc Hoa sinh: 1976 nghề
nông nghiệp - học sinh ở chung gia đình

Anh ruột: 1) Huỳnh - Phúc - Mừng (chết)

2) Huỳnh - Văn - Đức sinh: 1937

Nghề nghiệp: làm ruộng, hiện ngụ tại: 270C khu III Thị
Trấn Đức Hòa Long An

Em ruột: 1) Huỳnh Kim - Ngọc (nữ) năm sinh: 1943

Nghề nghiệp: làm ruộng tại Hố nước Long An →

2) Huỳnh Kim Hương (nữ) Năm sinh = 1950
nghề nghiệp = buôn bán tại Bm Chầu Chô ở ấp I
Xã Lê Minh Xuân huyện Bình Chánh TP HS Chi Minh.

3) Huỳnh Thanh Quế (Nam) Năm sinh = 1954
nghề nghiệp = làm ruộng ngay tại xã Thạnh Lợi Long An
Ông Nội = Huỳnh Đạt (chết) Bà Nội = Nguyễn Thị Liên (chết)
Bên Ngoại = chết.

Hiện cảnh kinh tế gia đình = đủ ăn
Quá trình hoạt động bán thuốc;

Tuổi 30 - 4 - 1975 :

1952 - 1958 = Học sinh tại Diên Hòa - Long An

1958 - 1966 = Học sinh Area Sài Gòn

1966 - 1967 = Nhập ngũ Trường Bộ binh Thủ Đức
KBC: 4.100

1967 - 1969 = Chính vụ Sư đoàn 18 BB KBC: 3415

1969 - 1971 = Chính vụ Trung tâm Huấn luyện không quân Nha Trang

1971 - 1973 = Trung vụ Sĩ Quan Không Tiểu Sư Đoàn 18 BB

1973 - 1975 = Đại vụ Trung tâm huấn luyện không quân Sư Đoàn 18 BB

Chức vụ = Trưởng toán Tiểu Trung tâm huấn luyện

Sau 30 - 4 - 1975 = 88 quân 61/182543

23 - 6 - 1975 đến 1976 = Tập Trung cải tạo tại Biên Hòa

1976 - 1978 = Tập Trung cải tạo tại Yên Bái Hoàng Liên Sơn

1978 - 1982 = Tập Trung cải tạo tại Nghệ Tĩnh

1982 - 1983 = Phòng thủ về 323 Hải Phòng Sài Gòn

Quân chức 12 tháng

Tháng 10 - 1983 về quê nhập cảnh với vợ tại An Hòa.

Căn nhà: Tới căn nhà ở những lô khai triển tại bị thất.

Lưu tại An Hòa ngày 12 - 12 - 1983



Huỳnh Thanh Quế

Tóm Tắt lý lịch

Họ và tên: HUYNH PHÁT - LUÂN

Đã lãnh: 6 Dấu tích: Kinh, Tôn giáo: theo ứng tế thiên

Ngày tháng năm sinh: 29-8-1941 tại xã Thanh Lộc,

huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An

Trại quản: 270 C Kien III Bm Bm, Thị trấn Đức Hòa

huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Giấy tra hai Đ: 000.678.03352 cấp ngày 21-2-1982

Tại trại cải tạo Đ 6 tỉnh Nghệ Tĩnh

Nghề nghiệp: làm ruộng

Trình độ văn hóa: Tiểu học, từng đi ngoại ngữ: Anh + Pháp

Đưa ra hệ gia đình

Cha: Huỳnh Văn Đức, năm sinh: 1909 hiện ngụ tại

270C Đức Hòa - huyện Nghệ nghiệp: theo bace

Mẹ: Võ Thị Đăng (chết năm 1958)

Vợ: Phan Thị Ngọc Ánh sinh: 1947 hiện ngụ tại

270C Đức Hòa - huyện Nghệ nghiệp: làm ruộng

Con: 1) Huỳnh Thị Ngọc Hằng sinh: 1968 hiện ngụ tại

270C Đức Hòa - Long An (tên cũ gia đình)

2) Huỳnh Thanh Nhật (Nam) sinh: 1970 nghề

Nghề nghiệp: học binh ở chung gia đình (nay đã nghỉ học)

3) Huỳnh Thanh Nhân (Nam) sinh: 1973 nghề

Nghề nghiệp: học binh ở chung gia đình

4) Huỳnh Thị Ngọc Huệ sinh: 1976 nghề nghiệp

học binh ở chung gia đình

Anh Duyệt: 1) Huỳnh Phúc Miêng (chết)

2) Huỳnh Văn Đức sinh: 1937

nghề nghiệp: làm ruộng, hiện ngụ tại: 270C Kien III

thị trấn Đức Hòa - Long An

Em ruột: 1) Huỳnh Kiên Ngự (nữ) năm sinh: 1943

nghề nghiệp: làm ruộng tại Hẻm bghia Long An



2) Huỳnh - Kim. Huỳnh (nh) 2 nhà sinh 1950
nghề nghiệp = buôn bán tại Bm Chanh. Chết ở: Ahs I
Là là một - Xuân - Huỳnh Bm Chanh T. H. Chết - Bình
3) Huỳnh - Thanh - Quới (Nam) nhà sinh 1954
nghề nghiệp = làm máy may tại X. H. H. Chết - Bình
C. N. H. Huỳnh Dết (chết) ở nhà: Huỳnh Th. Liên (chết)
Bm Ngươi: Chết

Huỳnh Chanh cũng là gia đình = tốt nghiệp
Quê hương hoạt động dân thân

Trước 31-12-1975

1952 - 1958 = Học sinh tại Đức Hòa - Long An

1958 - 1966 = Học sinh tại Sài Gòn

1966 - 1967 = Nhập ngũ Tiểu Đ. Bm Chanh. Huân chương 4.100

1967 - 1969 = Chiến sỹ, Đ. Bm Chanh. KBC = 3445

1969 - 1971 = Tiểu Đ. Bm Chanh. Huân chương kháng chiến

1971 - 1973 = Trưởng Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

1973 - 1975 = Đại Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Chức vụ: Trưởng Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

(Sinh 30-12-1935) Số quân: 61/182523

23-6-1975 đến 1976 = Trưởng Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

1976 - 1978 = Trưởng Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

1978 - 1982 = Trưởng Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

1982 - 1983 = Trưởng Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Chức vụ: Trưởng Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Tháng 10 - 1989: về quê chấp hành việc ở tại Đức Hòa

Cam Đ. Bm Chanh: Tại Cam Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Đ. Bm Chanh: Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Đ. Bm Chanh: Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Đ. Bm Chanh: Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Đ. Bm Chanh: Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Đ. Bm Chanh: Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Đ. Bm Chanh: Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Đ. Bm Chanh: Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Đ. Bm Chanh: Đ. Bm Chanh. Đ. Bm Chanh

Sài Gòn, ngày 15 tháng 12 năm 1989

Chị Thu kính mến,

Qua sự giới thiệu của bạn bè nên tôi biết được chị, xin cho phép tôi được gọi chị bằng "chị" vì tôi không biết tuổi tác chị là bao nhiêu, nhưng tôi tin rằng với uy-tín và chức vụ "cao cả" của chị sẽ giúp ích được cho tôi và gia đình tôi rất lớn.

Chắc tôi không nói chị cũng hiểu được hoàn cảnh sống của chúng tôi nhất là về mặt tình thần khổ sở là chừng nào. Tưởng lại còn cái rất là mù-mịt. Tôi không dám than thở nhiều, chị mong chị giúp tôi làm một số giấy tờ "xuất cảnh" kèm theo đây:

- 2 giấy trả trái, 2 lý lịch, 2 hôn thú
- 2 khai sinh vợ, con tổng cộng: $2 \times 4 = 8$ bản
- 2 ảnh tổng cộng: $2 \times 5 = 10$ tấm ảnh
- 2 bản nghị định thăng cấp đại úy.
- 1 giấy chứng chỗ ở cũ + 2 giấy cư trú không hợp pháp (Trước 1975 ở Sài Gòn hợp pháp sau 1975 ở Sài Gòn không hợp pháp)

Hồ sơ xin Xuất Cảnh ở Việt Nam tôi đã làm theo sự hướng dẫn của chính quyền U.N và nộp tại Long An (bên U.N) Số hồ sơ: 1089 ngày 26-11-1989, còn giấy tờ gửi qua bên chị tôi làm theo sự chỉ dẫn của bạn bè, nếu có thiếu sót mong chị vui lòng giúp đỡ.

Tôi hoàn toàn tin tưởng vào uy-tín và lòng nhân đạo của chị sẽ giúp được cho tôi và gia đình và con tôi trong hoàn cảnh đặc biệt này.

Cuối cùng tôi kính chúc chị nhiều sức khỏe và sớm hoàn thành nhiệm vụ "cao cả" này. —→

Chức 8² hiện tại của tôi: 27a^c Khu III Bình Thới
Thị trấn Thủ Đức, huyện Thủ Đức tỉnh Long An
Đã chi' liên lạc theo từ: HUYỀN - PHÁT - LUÂN

* 407 đường Phạm Văn Hai Phường 3 Quận Tân Bình
T/P Hồ Chí Minh
Rất mong thư hồi âm của chi

HUYỀN

Huyền - Phát - Luân

TB: Những giấy tờ cũ tôi góp nhặt được gồm có:

- 1 tấm ảnh mang tên "Đại úy"
Số căn cước cũ: (Huyền - phát - luân)
03677406 cấp ngày 04-03-1970 tại
Như Trang
- Số căn cước quân nhân: 012672 cấp tại
HQC: 4125 ngày 07-01-1974 (Đại úy)
- Căn cước cũ của vợ (Phạm Thị Ngọc Mỹ)
Số: 02808907 cấp ngày 11-09-1969 tại
Quận 6 Sài Gòn.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Trại Cải tạo số 6

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 288/GH
(42)

00.067.80.3.35.2

SUSLO

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 9.6-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an,

Thi hành án văn, quyết định tha số 146 ngày 6 tháng 1 năm 1982

của

BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Nguyễn Phát Luân**

Họ, tên thường gọi **Huỳnh phát Luân**

Họ, tên bí danh **không**

Sinh ngày tháng năm 1949

Nơi sinh **Thanh Lợi - thôn Thuận - Long An**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

323 đường hau giang sai gon 6

Can tội **phạm tội vi phạm quy định về quản lý hành chính**

Bị bắt ngày **23 - 6 - 75** Án phạt **trời**

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại **Thanh Lợi - thôn Thuận - 323 đường hau giang sai gon 6**

Nhận xét quá trình cải tạo

huỳnh phát luân vào trại đã ăn tại tù tuc

tuong chap hanh day du moi ho quy ky luat, chua co bieu hien gi

sai pham lon, trong lao dong bao dam ngay gia cong, hang ngay

kep loai cai tao trung binh va kho.

Lưu tay ngân trở phải

Có **huỳnh phát luân**

Danh bản số **8268**

quay phép

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 21 tháng 2 năm 1982

Giám thị

Huỳnh phát Luân

Trung tá Nguyễn Đình Thường

000007 Huy Hoa
Xã ghi nhận

Đ/S Huy Hoa ghi nhận. 1945 có
tính từ năm 1945 đến 1982

Việc thi t 28-2-82 → 28-3-82

T. Huy Hoa 28-2-82

Ta. Truông ghi nhận



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Xác nhận

Đường Sù đã đến Truông
Đã phòng.

Ngày 2.3.82.

Pó cấp 4. Q6.

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

20. Q6 bán 09/2 2/82

24. Q6 bán 09 11/82

26. Q6 bán 09 1/82

Bao ý bán chầu

Ngày 20-11-1982



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

FROM: MR HUYNH- PHAT- LUAN
407 Thăm Văn Hai
Phường 3 Quận Tân Bình
TP Hồ Chí Minh

PARAVION



TO: MRS KHUOC MINH THO
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
VA. 22205 - 0635

U.S.A

FEB 12 1990

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT2/P3

Xã, Thị trấn Đức Hòa

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã, Quận Đức HòaThành phố, Tỉnh Long AnBẢN SAO
GIẤY KHAI SINHSố : 07 HTQuyển số : 02/86

Họ và tên	<u>TIUYNH THỊ NGỌC HÀ</u>		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng năm,	<u>30 - - 1 - 1976</u> <u>ngày ba mươi tháng giêng năm một nghìn</u> <u>chín trăm bảy mươi sáu</u>		
Nơi sinh	<u>Đức Hòa - Long An</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày tháng năm sinh)	<u>Nguyễn Nhật Luân</u> <u>29 - 8 - 1941</u>	<u>Phạm Thị Ngọc Nữ</u> <u>27 - 10 - 1947</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Viet Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Viet Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Sân ruộng</u> <u>323 ấp Giang Q.6</u> <u>TĐ Hồ Chí Minh</u>	<u>Sân ruộng</u> <u>Ấp Khu 1 xã Bình Mỹ</u> <u>Thị trấn Đức Hòa Long An</u>	
Họ tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>PHẠM THỊ NGỌC NỮ</u> <u>Giấy CMND số 300113372</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 05 năm 1986TM. UBND Nguyễn Đức Tâm ký tên, đóng dấu

Đ. CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức TâmĐã ký ngày 28 tháng 05 năm 1986

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

P. CHỦ TỊCH(2 chữ)Nguyễn Đức Tâm

BỘ NỘI VỤ
Trại cải tạo số 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo Công văn số
2565 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Số 13 GHT
(4)

00 067803 352

SMSLO

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Chí hành trên văn quyết định theo số 1449 ngày 6 tháng 1 năm 1982

KỖ HỒI TƯ

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có h sau đây:

Họ, tên khai sinh

NGUYỄN PHÁT LUÂN

Họ, tên thường gọi

Nguyễn phát Luân

Họ, tên bí danh

không

Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1949

Nơi sinh **Thanh lợi - thu thuế long an**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

323 đường hau giang saigon 6

Cao tổi 1m 70 tuổi trung tâm hành quân

Bị bắt ngày 23 - 6 - 1975 án phạt trốt

Theo quyết định, án văn số 1449 ngày 6 tháng 1 năm 1982 của

Đã bị tăng án lần, công thành lần năm 1982 tháng 1

Đã được giảm án lần, công hành lần năm 1982 tháng 1

Nay về cư trú tại **thanh lợi - thu thuế - 323 đường hau giang S3 6**

Nhận xét quá trình cải tạo

Nguyễn phát Luân vào trại đã an tâm tu tạo

tuong chap hanh lay du moi va quy ky luat, chua co bieu hien gi

hai ngay lon, trung tam long an ngay gia cong, hang da

xep loai cai tao trung binh v khoa.

Tên tay, ngón trỏ phải

Họ, tên, chữ ký

Ngày 12 tháng 2 năm 1982

Nguyễn phát Luân

Đã bị bắt

quay pháp

Giám thị

Nguyễn phát Luân Trung tâm Nguyễn Đình Trường

00007 Bấy Hư

Xác nhận

Đ/S Hưng phát lương 1940

trình cấp lương 1400 đơn

Bình 1400 2 3 82 → 28-3-82

Đã Hư 28-2-82

Tư Trục cấp cho em



Nguyễn Đình Khoa

Xác nhận

Trưởng Sở địa đ. Tr. Tr. Tr.

Địa phương

Ngày 23.82.

ph. 1400 1400.

ph. 1400

ph. 1400

20. 06. 1982
14. 06. 1982
06. 06. 1982

ÔNG THAM-MU TRƯỞNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

H2/H1/Stc
VIỆT NAM CÔNG HOA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TONG THAM MUU
QUÂN LUC VIET NAM CONG HOA

Số 769 /TTM/ND

-Chiếu Hiến-Pháp VNCH ngày 1 tháng 4 năm 1967,

-Chiếu Sắc-Lệnh số 394/TT/SL ngày 1.9.1969 và các văn kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phủ,

-Chiếu Sắc-Lệnh số 614-a/TT/SL ngày 1.7.1970 ấn định hệ thống tổ chức Quốc-Phòng và QLVNCH,

-Chiếu Sắc-Luật số 13/CT/ID36Q/SL ngày 20.10.1964 sửa đổi bởi Sắc-Luật số 33/66 ngày 1.9.1966 ấn định quy chế quân nhân hiện dịch thuộc Chủ-Lực-Quân trong QLVNCH,

-Chiếu Dụ số 14 ngày 23.2.1965 ấn định quy chế Sĩ-quan Trù-bị,

-Chiếu Sắc-Lệnh số 50/SL/QP ngày 18.3.1967 ấn định quy chế quân nhân Địa-Phương-Quân trong QLVNCH,

-Chiếu Nghi-Định số 1344/QP/Đ ngày 25.11.1970 ấn định thẩm quyền về quân trị nhân viên của Tổng Tham-Mu Trưởng QLVNCH,

-Chiếu Quân-Thị 630-400 ngày 19.10.1968,

-Chiếu đề nghị của các đơn vị liên hệ,

NGHỊ - ĐỊNH

Điều 1.- Nay thống cấp Đi-Ưy Nhiệm chức vì chức vụ kể từ ngày 31.8.1973 cho các Sĩ-quan có tên dưới đây :

BỘ-BÌNH :-

1.	Trung-Ưy TB	ĐƯƠNG GIA THINH	Sq. 61/110.995	Phòng TQT/TTM
2.	"	ĐO HUNG	62/118.395	Phòng 7/TTM
3.	Trung-Ưy ĐPQ/ĐƯ	THÂN VĂN THUONG	43/194.374	TK/Long-Khánh
4.	Trung-Ưy TB	ĐO VĂN CUONG	51/142.362	TK/Long-an
5.	"	ĐO VĂN THUONG	51/121.562	TK/KTARET
6.	"	ĐO VĂN PHAT THANH	61/132.543	BTL/SD.18 BB
7.	"	HỒ VĂN ĐUOC	59/183.434	Phòng TQT/TTM
8.	"	THÂN VĂN PHIE	62/403.334	TK/KTARET
9.	"	ĐOÀN KIM SON	65/109.228	TK/Long-Khánh
10.	"	THU VĂN LONG	87/811.716	"
11.	"	ĐUONG DINH AT	64/190.879	"

Y - Sĩ :

- | | | | |
|----------------|------------------|----------------|-----------------|
| 1. Trung-Úy TB | HUYEN KI CHUNG | Sq. 62/151.960 | Liên-Đoàn 5/BDQ |
| 2. " " | TRAN DIEM THANG | " 63/802.337 | QVY/Qui-Nhon |
| 3. Trung-Úy BD | NGUYEN THAC HIEU | " 62/169.140 | " " |

ĐUỐC-Sĩ :

- | | | | |
|----------------|----------|----------------|---------------|
| 1. Trung-Úy TB | KE THANH | Sq. 59/908.390 | QVY/Qui-Nhon |
| 2. " " | LE SY HU | " 63/110.772 | Trưởng Quân-Y |

Điều 2. - Tham-Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham-Mưu chiếu nhiệm vụ thi hành
Nghị-Định này. / - 4.1.1

KBC. 4.002, ngày 24 Tháng 9 Năm 73

ĐỐI NHẬN :

Đại-Tướng CAO-VAN-VIEN
Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH

- Phòng 7, Phòng TQT/TTM
- BTL/S - Đoàn 18 BB
- Trung-Tâm KTA/BD - ID. 5/BDQ
- QVY/Q i-Nhon - Trưởng Quân-Y
- TK/Lơ g-An, Long-Kinh
- Để c ở tr ở cho các đơn vị

- ĐỐI KINH GỬI :
- Phủ T u-Tướng/Vo-Phòng
 - Bộ Qu c-Phòng/Văn-Phòng
 - Bộ TI /VP/Tổng TMT
 - VP/TM /TTM - VP/TMP/NV
 - Đ kinh tương
 - Tổng M TC+TTQP - P1/TTM
 - Cục K Q - BTL/ODILL. QK3
 - Cục Q An-Y - BCH/BDQ
 - TQKH - TCTV
 - Khôi TCT/Trại TTD
 - PTQT/TM (Các Khôi + Bn.vi
 - Trung Tâm trực thuộc)
 - Hồ sơ - Lưu trữ.



ÔNG THAM-MU TRƯỞNG
QUẢN-LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HOA

Hg/Hi/Stc
VIỆT NAM CÔNG HOA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TONG THAM MUU
QUẢN LUC VIET NAM CONG HOA

Số 769 /TTM/ND

-Chiếu Hiến-Pháp VNCH ngày 1 tháng 4 năm 1967,

-Chiếu Sắc-Lệnh số 394/TT/SL ngày 1.9.1969 và các văn kiện kế tiếp ấn định thành phần Chánh-Phu,

-Chiếu Sắc-Lệnh số 614-a/TT/SL ngày 1.7.1970 ấn định hệ thống tổ chức Quốc-Phòng và QLVNCH,

-Chiếu Sắc-Luật số 13/CT-ID/GQ/SL ngày 20.10.1964 sửa đổi bởi Sắc-Luật số 33/66 ngày 1.9.1966 ấn định quy chế quân nhân hiện dịch thuộc Chủ-Lực-Quân trong QLVNCH,

-Chiếu Dụ số 14 ngày 23.2.1955 ấn định quy chế Sĩ-quan Trù-bì,

-Chiếu Sắc-Lệnh số 50/SL/QP ngày 18.3.1967 ấn định quy chế quân nhân Địa-Phương-Quân trong QLVNCH,

-Chiếu Nghị-Định số 134/P/ND ngày 25.11.1970 ấn định thẩm quyền về quân trị nhân viên của Tổng Tham-Mu Trưởng QLVNCH,

-Chiếu Điều-Thị 630-409 ngày 19.10.1968,

-Chiếu đề nghị của các đơn vị liên hệ,

NGHỊ - ĐỊNH

Điều 1.- Nay thống cấp Chỉ-Úy nhiệm chức vì chức vụ kể từ ngày 31.8.1973 cho các Sĩ-quan có tên dưới đây :

BỘ-BÌNH :-

1.	Trung-Úy TB	LƯƠNG GIA THINH	Sq. 61/110.995	Phòng TQT/TTM
2	..	ĐO HUNG	62/118.395	Phòng 7/TTM
3	Trung-Úy ĐPQ/ĐU	TRẦN VĂN THUONG	43/194.374	TK/Long-Khánh
4	Trung-Úy TB	ĐO VĂN CUONG	61/142.362	TK/Long-An
5	..	ĐO VĂN THUONG	51/121.562	TT/KT&ET
6	..	NGUYỄN PHÁT ILIEN	61/132.543	HTL/SD.18 BB
7	..	NGUYỄN VĂN DUCC	59/183.434	Phòng TQT/TTM
8	..	TRẦN VĂN PEE	62/413.334	TT/KT&ET
9	..	ĐOÀN KIM SON	65/109.228	TK/Long-Khánh
10	..	TIU VENG LONG	67/811.716	..
11	..	ĐUONG DINH AI	64/190.879	..

Y. Sĩ :

- | | | | |
|----------------|-------------------|----------------|-----------------|
| 1. Trung-Úy TB | HUYỀN KIỂM CHỨNG | Sq. 62/151.960 | Liên-Đoàn 5/BDQ |
| 2. -.- | TRẦN DIỆP THẾ NG | 63/802.337 | QYV/Qui-Nhơn |
| 3. Trung-Úy ND | NGUYỄN THẠCH HIỆU | 62/169.140 | -.- |

ĐUỐC-Sĩ :

- | | | | |
|----------------|----------|----------------|---------------|
| 1. Trung-Úy TB | LÊ THÁNH | Sq. 59/908.390 | QYV/Qui-Nhơn |
| 2. -.- | LÊ SỰ HỒ | 63/110.772 | Trưởng Quân-Y |

Điều 2. - Tham-Mưu Trưởng Bộ Tổng Tham-Mưu chiếu nhiệm vụ thi hành Nghị-Định này. / - 4, 1, 1

KBC. 4.002, ngày 24 Tháng 9 Năm 73

NỘI NHẤT :

- Phòng 7, Phòng TQ/TTM
- BTL/Su-Đoàn 18 BB
- Trung-Tâm KTAEDD -ID.5/BDQ
- QYV/Qui-Nhơn - Trưởng Quân-Y
- TK/Long-An, Long-Kinh
- Đề cử các tri chủ các đoàn/sở

Đại-Tướng CAO-VĂN-VIÊN
Tổng Tham-Mưu Trưởng QLVNCH



SÁC KINH GỬI :

- Phủ Thủ-Tướng/Vc-Phòng
- Bộ Quốc-Phòng/Văn-Phòng
- Bộ TTM/ P/Tổng TMT
- VP/TMT/ TTM - VP/TMP/NV
- Đoàn hình tượng
- Tổng TP TC-TTQP -PI/TTM
- Cục ANQD -BTL/QĐIII-QK3
- Cục Quân-Y -PCH/BDQ
- TQCH - PCTV
- Khối CQCH/Trại THD
- PTQT/TH (Các Khối + Ban và Trung-Tâm trực thuộc)
- Hồ sơ - Lưu trữ.-

NAM - PHÂN

ĐÔ - THÀNH SAIGON

QUẬN SÁU

Số

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

GIẤY CHỨNG CHỖ Ở

ĐÔ - TRƯỞNG SAIGON,

Chúng nhận

Huỳnh-Phát-Luân

sinh ngày

29

tháng

8

năm

1941

tại

Thạnh-Lý (Long-An)

con của

Huỳnh-văn-Quê

và

Võ-thị-Đăng

(nghề - nghiệp)

học sinh

hiện thời có ở tại

số 323, đường Hậu-Giang.

Vì thế, giấy chứng này được cấp phát để hiện dụng và chấp chiếu.

Saigon, ngày 29 tháng 3 năm 1965

T. U. N. ĐÔ - TRƯỞNG SAIGON,

QUẬN - TRƯỞNG QUẬN SÁU,

TÙI KHẮC KỶ

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường...ĐỨC HÒA...
Huyện, Quận...ĐỨC HÒA...
Tỉnh, Thành phố...LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số...07 HT...
Quyền số...02/80



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUỖNH THỊ NGỌC HÀ Nam hay nữ NỮ
Ngày, tháng, năm sinh Ngày ba mươi tháng giêng năm một ngàn chín trăm bảy mươi sáu (30-1-1976)
Nơi sinh Thị trấn Đức Hòa - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An.
Dân tộc Kinh Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	PHẠM THỊ NGỌC NỞ	HUỖNH PHÁT LUÂN
Tuổi	27-10-1947	29-8-1941
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	VIỆT NAM	VIỆT NAM
Nghề nghiệp	Làm nông	Làm nông
Nơi thường trú	170A Khu 1 bình thới, thị trấn Đức Hòa - Long An	323 Hậu Giang Q.6 TP HCM

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nở. Giấy CMND số: 300 113372

Đăng ký ngày 28 tháng 5 năm 1986
TM ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nở

Ủy ban Nhân dân

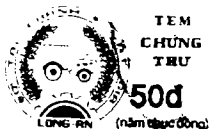
CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 11 năm 1989

TM UBND

ký tên, đóng dấu

Ủy ban Nhân dân



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường.....Đức Hòa..
Huyện, Quận.....Đức Hòa..
Tỉnh, Thành phố.....LONG AN..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số.....1892/UB.82
Quyền số.....02....



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUỲNH THANH NHƯT Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười tám tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi (18-7-1970)
Nơi sinh Thị trấn Đức Hòa - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An
Dân tộc Kinh Quốc tịch VIỆT NAM

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>PHẠM THỊ NGỌC NỐ</u>	<u>HUỲNH PHÁT LUÂN</u>
Tuổi	<u>27 - 10 - 1942</u>	<u>29 - 8 - 1941</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm nông</u>	<u>Làm nông</u>
Nơi thường trú	<u>149A Khu I binh thị trấn Đức Hòa - Long An</u>	<u>323 Hậu Giang Q.6 T.P Hồ Chí Minh</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nổ sinh 1942 thường trú số 149A Khu I binh thị trấn Đức Hòa - Long An. Giấy CMND số 300113372

Đăng ký ngày 02 tháng 4 năm 1982

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nổ

(chữ ký)
NGUYỄN HIỂN NGAI

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 11 năm 1982

T/M UBND

ký tên, đóng dấu



Handwritten signature

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường... ĐỨC HÒA...
Huyện, Quận... ĐỨC HÒA...
Tỉnh, Thành phố... LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số... 4892/UB.82
Quyền số... 02...



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUỖNH THANH NHƯT Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười tám tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi (18-7-1970)
Nơi sinh Thị trấn Đức Hòa - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An
Dân tộc Kinh Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>PHẠM THỊ NGỌC NỐ'</u>	<u>HUỖNH PHÁT LUÂN</u>
Tuổi	<u>27-10-1947</u>	<u>29-8-1941</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>149A Khu I Bình thĩ-thị trấn Đức Hòa - Long An</u>	<u>303 Hẻm Giang, Q.6 TP.Hồ Chí Minh</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nổ' sinh 1947 thường trú số 149A Khu I Bình thĩ thị trấn Đức Hòa - Long An. Giấy CMND số: 300113372

Đăng ký ngày 22 tháng 4 năm 1982
TM ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nổ'

(chữ ký)

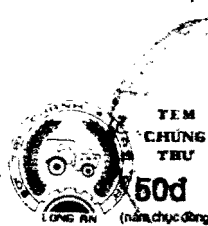
NGUYỄN VĂN NGAI

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 11 năm 1989

TM UBND

ky ký tên, đóng dấu



L. C.
namluan

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường... ĐỨC HÒA...
Huyện, Quận... ĐỨC HÒA...
Tỉnh, Thành phố... LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số... 1892/UB.82
Quyền số... 02...



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUỲNH THANH NHƯÂN Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày mười bốn tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (14-9-1973)
Nơi sinh Thị trấn Đức Hòa - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An
Dân tộc Kinh Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>PHẠM THỊ NGỌC NỐ'</u>	<u>HUỲNH PHÁT LUÂN</u>
Tuổi	<u>27-10-1947</u>	<u>29-8-1941</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>149A Khu I kinh đô thị trấn Đức Hòa - Long An</u>	<u>323 Hẻm Giang Q.6.TPHCM chi Minh</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nổ' sinh 1947 ở xã, phường, thị trấn 149A Khu I kinh đô thị trấn Đức Hòa - Long An Giấy CMND số: 300113372

Đăng ký ngày 22 tháng 4 năm 1989
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nổ'

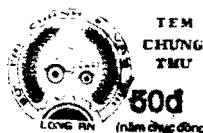
(Ký)
NGUYỄN VĂN NGAI

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 11 năm 1989

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường... Đức Hòa
Huyện, Quận... Đức Hòa
Tỉnh, Thành phố... LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3
Số... 1892/UBS2
Quyền số... 02



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUỲNH THANH NHƯÂN Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười bốn tháng chín năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (14-9-1973)
Nơi sinh Thị trấn Đức Hòa - Huyện Đức Hòa - Tỉnh Long An
Dân tộc Kinh Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>PHẠM THỊ NGỌC NỮ</u>	<u>HUỲNH PHÁT LUÂN</u>
Tuổi	<u>27 - 10 - 1947</u>	<u>29 - 8 - 1941</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	<u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>149A Khu I bình thới thị trấn Đức Hòa - Long An</u>	<u>323 Hậu Giang Q.6 TP Hồ Chí Minh</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nữ sinh 1947 ở xã Tân 15, 149A Khu I bình thới thị trấn Đức Hòa - Long An Giấy CMND số: 300112372

Đăng ký ngày 02 tháng 4 năm 1982
TM ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

Phạm Thị Ngọc Nữ

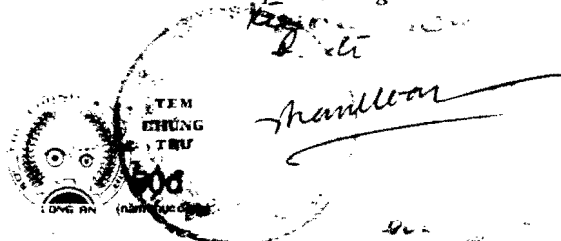
(đã ký)
NGUYỄN VĂN NGAI

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 08 tháng 11 năm 1989

TM UBND

ký tên, đóng dấu



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

Chấp/2b

HGRQ LONG AN

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Hiệp Phước (Gia Định)

(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1947
(Année)

SỐ HIỆU 5
(Acte N°)

Tên, họ đứa con út (Nom et prénom de l'enfant)	Do án số 132ND/64 ngày 19-2-1964,
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Tòa HGRQ LONG AN đã tuyên án phán rằng:
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Phạm thị Ngọc Nữ, gái, sanh ngày 27-10-
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	1947, tại xã Hiệp Phước (Long-An) là
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	con chính thức hoá của Phạm văn Nuôi
Cha làm nghề gì (Sa profession)	và Nguyễn thị Ban.-
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Quốc y,
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Long An ngày 19-7-1967
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Chánh lục sự,
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	(ký tên)
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi, Trương kim Thạch
(Nous)

Chánh-án Toà Long-An
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ung văn Thanh
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Long-An, ngày 26-7-1967

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

[Signature]

Trích y bản chánh *[Signature]*
(Pour extrait conforme).

Long-An, ngày 26-7-1967

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF).



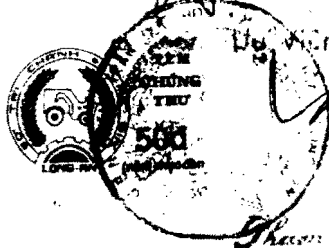
[Signature]

5\$

Biên lai số 12865
(Quittance N°)

Sau y bân chaul

Ngày 20.11.1989



Ủy viên Thủ Khoa

me

Phạm Văn Tấn

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Hiệp Phước (Gia Định)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1947
(Année)

SỐ HIỆU 5
(Acte No)

Tên, họ đứa con út (Nom et prénom de l'enfant)	Do án số 132ND/64 ngày 19-2-1964,
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Tòa HGRQ LONG AN đã tuyên án phán rằng:
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Phạm thị Ngọc Nữ, gái, sanh ngày 27-10-
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	1947, tại xã Hiệp Phước (Long-An) là
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	con chính thức hóa của Phạm văn Nuôi
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	và Nguyễn thị Ban.-
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Cước y,
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Long An ngày 19-7-1967
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Chánh lục sự,
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	(ký tên)
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi, Trương kim Thạch
(Nous)

Chánh-án Toà Long-an
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Ông Văn Thanh
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

Long-an, ngày 26-7-1967

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

[Signature]

Trích y bản chánh *[Signature]*
(Pour extrait conforme).

Long-an, ngày 26-7-1967

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



[Signature]

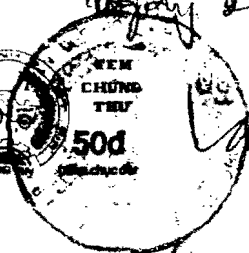
Gia liên : 5\$

(Gout) 12865

Biên-lai số
(Quittance No)

Sao y kìm chấu

ngày 20.11.1989



Ủy viên

[Handwritten signature]

Tin

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý :

- 1— Giấy kiểm tra này dành cho những hộ người cư trú không hợp pháp.
- 2— Khi mất phải báo ngay cho chính quyền địa phương (công an) biết.
- 3— Khi muốn chuyển đi đâu phải được phép của chính quyền địa phương (công an).
- 4— Không cho người khác mượn giấy này.
- 5— Giấy kiểm tra này không có giá trị thay tờ Hộ khẩu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc



GIẤY KIỂM TRA

NGƯỜI CƯ TRÚ KHÔNG HỢP PHÁP

Số: _____ /KT

000000462

Họ và tên chủ hộ: NGUYỄN PHÁT TÂN

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 223

Đường phố (ấp): Đường Nguyễn Huệ Phường (xã): Phường 1

Quận (huyện): Quận 1

Ngày 1 tháng 9 năm 1985

TRƯỞNG CÔNG AN

(Ký tên đóng dấu)

NGUYỄN VĂN HẢI

~~$\chi_c(1)$~~ [illegible]

$$x_C(1)$$
[illegible]

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý :

- 1- Giấy kiểm tra này dành cho những hộ người **Cư trú** không hợp pháp.
- 2- Khi mất phải báo ngay cho chính quyền địa phương (công an) biết.
- 3- Khi muốn chuyển đi đâu phải được phép của chính quyền địa phương (công an).
- 4- Không cho người khác mượn giấy này.
- 5- Giấy kiểm tra này không có giá trị thay tờ Hộ khẩu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc



GIẤY KIỂM TRA

NGƯỜI CƯ TRÚ KHÔNG HỢP PHÁP

Số: _____/KT

000000462

Họ và tên chủ hộ: TRẦN PHÁT IVÂN

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà: 32/3

Đường phố (ấp): Đường Nguyễn Huệ (xã):

Quận (huyện): Quận 1

Ngày 9 tháng 9 năm 1985

TRƯỞNG CÔNG AN

(ký tên đóng dấu)

ĐƠN VỊ CÔNG AN QUẬN 1

2
XNH





VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH - PHỐ

QUẬN : HẬU-NHĨA
XÃ : ĐỨC-HÒA

TRÍCH-LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THÚ

Số hiệu : 321

Tên, họ người chồng HUYỀN - PHÁT - LUÂN

nghe - nghiệp Quân-Nghĩa

sinh ngày 29 tháng 8 năm 1941

tại Thạnh-Lợi LONG-AN

cư - sở tại / / /

tạm - trú tại K.B.C. 3.697

Tên, họ cha chồng HUYỀN-VAN-QUẾ sống 59 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ) VỎ-THỊ-DẪNG (chết)

Tên, họ mẹ chồng PHẠM-THỊ-NGỌC-NỮ

nghe - nghiệp HỌC-SINH

sinh ngày 27 tháng 10 năm 1947

tại Hiệp-Phước LONG-AN

cư - sở tại / / /

tạm - trú tại 228/18 Đường Hậu-Giang Chợ-Lớn

Tên, họ cha vợ PHẠM-VAN-NUÔI sống 40 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ) NGUYỄN-THỊ-BAN sống 40 tuổi

— Ngày cưới Ngày 12 tháng 9 năm 1968 hồi 09 giờ

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn - khế / / /

ngày / tháng / năm / / /

tại / / /

Trích y bản chính

ĐỨC-HÒA ngày 12 tháng 9 năm 1968

VIÊN - CHỨC HỘ - TỊCH

CHỦ-TỊCH KIỂM HỘ-TỊCH

CHỨNG THẬT :
Chủ ký tên ngang đây của
Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Đức-Hòa
ĐỨC-HÒA, ngày 12/9/1968



TRẦN - VĂN - SANG

Đ. HOAN
Phó. Đ. S. S.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH - PHỐ

HẬU-NGHĨA

QUẬN : ĐỨC-HÒA

XÃ : ĐỨC-HÒA

TRÍCH-LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THÚ

Số hiệu : 321

Tên, họ người chồng HUỲNH - PHÁT - LUÂN

nghề - nghiệp Quân-Nhân

sinh ngày 29 tháng 8 năm 1941

tại Thạnh-Lợi LONG-AN

cư-sở tại / / / /

tạm-trú tại K.B.C. 3.697

Tên, họ cha chồng HUỲNH - VĂN - QUẾ sống 59 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng VÕ - THỊ - DẪNG (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ PHẠM-THỊ-NGỌC-NỮ

nghề - nghiệp Học-Sinh

sinh ngày 27 tháng 10 năm 1947

tại Hiệp-Phước LONG-AN

cư-sở tại / / / /

tạm-trú tại 228/18 Đường Hậu-Giang Chợ-Lớn

Tên, họ cha vợ PHẠM-VĂN-NUÔI sống 40 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ NGUYỄN-THỊ-BAN sống 40 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Ngày 12 tháng 9 năm 1968 hồi 09 giờ

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế / / /

ngày / tháng / năm / / /

tại / / / / /

Trích y bản chính

ĐỨC-HÒA ngày 12 tháng 9 năm 1968

VIÊN-CHỨC HỘ-TỊCH

CHỦ-TỊCH KIỂM HỘ-TỊCH

CHỨNG THẬT :

Chủ ký tên ngang đây của
Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Đức-Hòa
ĐỨC-HÒA, ngày 12/9/1968



TRẦN - VĂN - SANG



Phó-Đức-Sự

CONTROL

- _____ Card
- _____ Doc. Request; Form
- _____ Release Order
- _____ Computer
- _____ Form "D"
- _____ ODP/Date
- _____ Membership; Letter

4/15/90